



NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT | **BÀI 2**

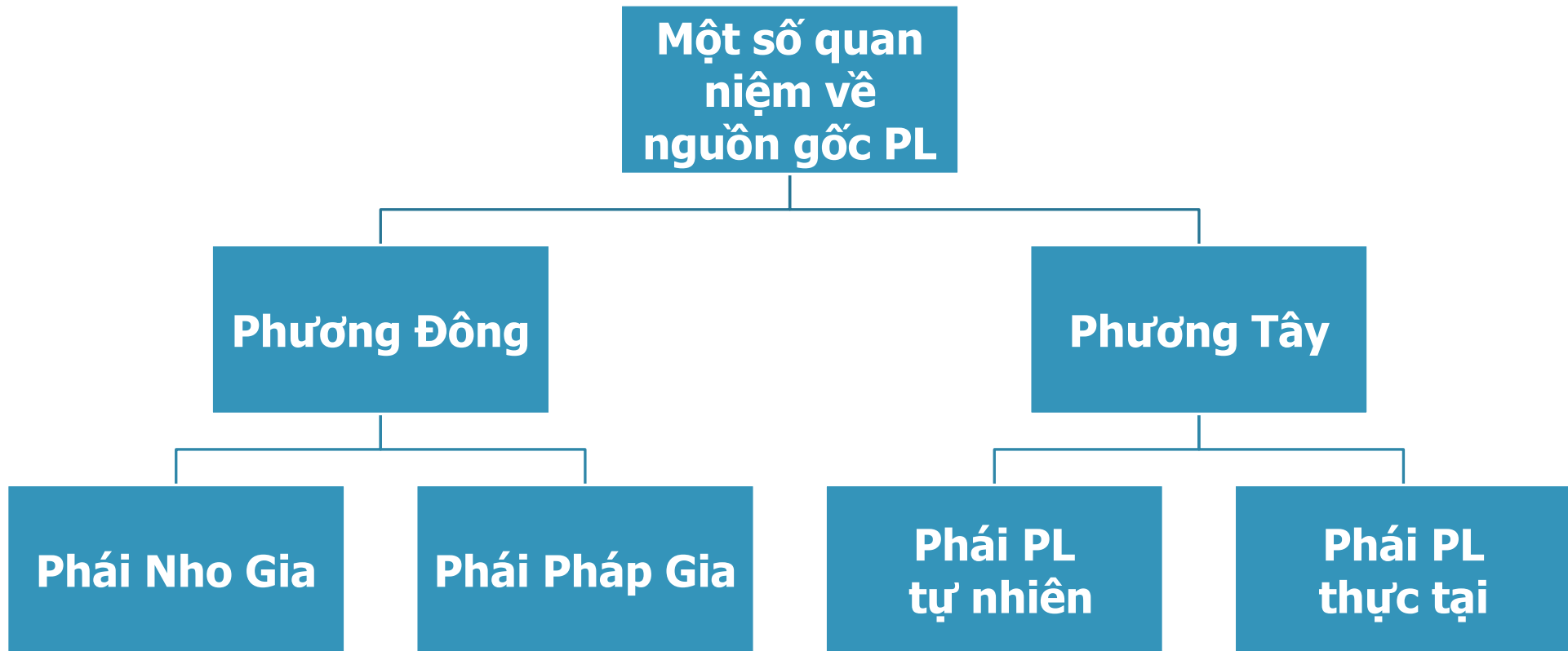
NỘI DUNG

- 2.1. Nguồn gốc, khái niệm.
- 2.2. Bản chất, đặc trưng của PL
- 2.3. Kiểu Pháp luật - Hình thức pháp luật
- 2.4. Quy phạm pháp luật; văn bản QPPL
- 2.5. Quan hệ pháp luật
- 2.6. Thực hiện pháp luật
- 2.7. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý
- 2.8. Hệ thống văn bản Quy phạm pháp luật

2. KHÁI NIỆM VỀ PHÁP LUẬT

Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính chất bắt buộc chung, do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, được nhà nước đảm bảo thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị và nhu cầu tồn tại của xã hội nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, tạo lập trật tự, ổn định cho sự phát triển của xã hội.

1. NGUỒN GỐC PHÁP LUẬT



1. NGUỒN GỐC PHÁP LUẬT

Ngoài ra, các quan điểm khác như:

- + **Phái thần học:** pháp luật do thượng đế tạo nên;
- + **Heghen:** pháp luật cũng như nhà nước chính là sản phẩm hiện thực của ý niệm đạo đức, là hiện tượng lý tính của quá trình nhận thức;
- + **Rousseau:** pháp luật là phương tiện để liên kết các thành viên trong xã hội, đó chính là công ước chung cho mọi người.

1. NGUỒN GỐC PHÁP LUẬT

Chế độ tư hữu



Sự phân hóa giai cấp



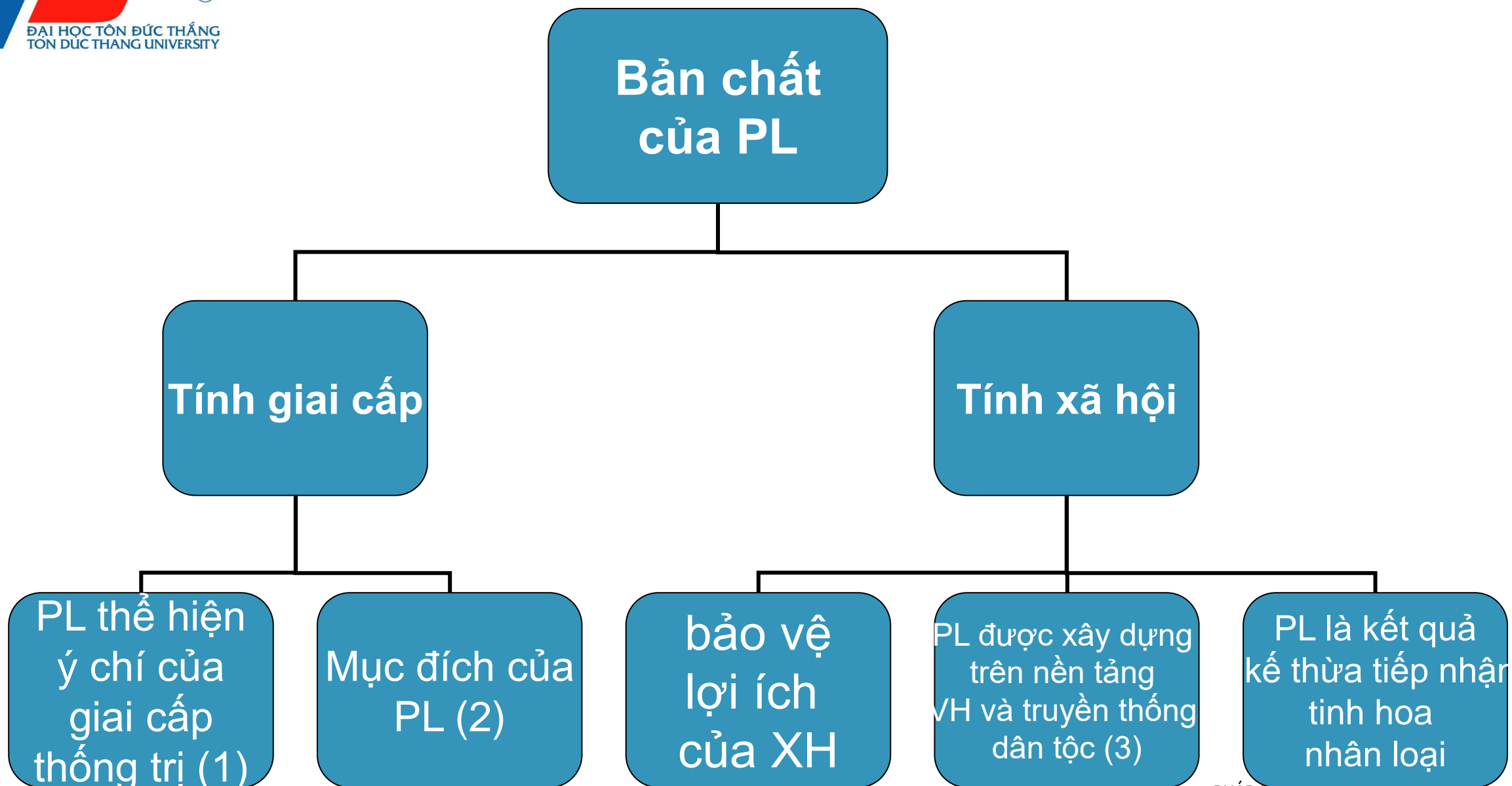
1. NGUỒN GỐC PHÁP LUẬT

Quan điểm của chủ nghĩa Mác –Lênin:

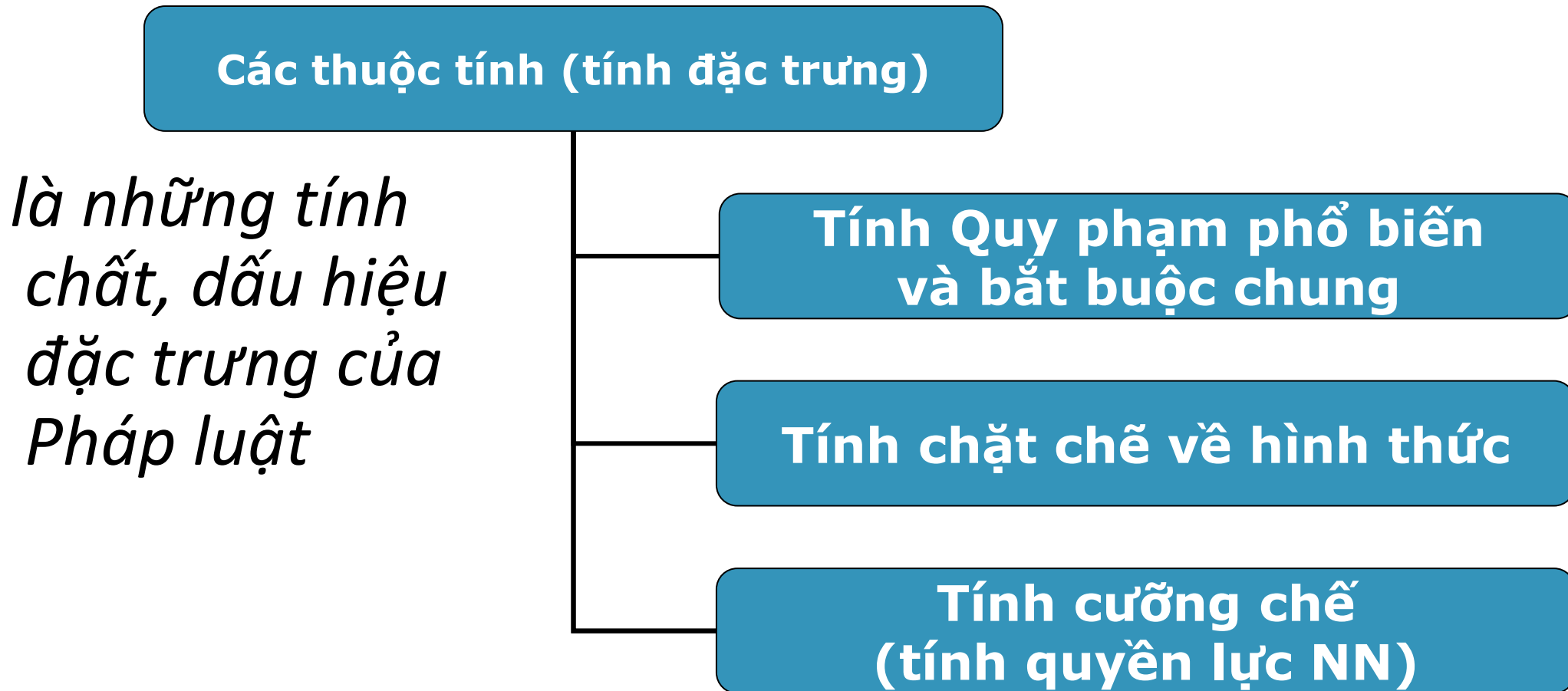
❖ Pháp luật là kết quả tất yếu khách quan của quá trình vận động lịch sử với những nguyên nhân cụ thể. Những nguyên nhân này bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội của con người. Pháp luật chỉ xuất hiện khi cơ sở kinh tế -xã hội đạt đến trình độ nhất định. Đó là:

- + **Về cơ sở kinh tế:** khi có sự chuyển biến từ nền kinh tế tự nhiên nguyên thủy sang nền kinh tế mang tính sản xuất, xã hội và trao đổi.
- + **Về cơ sở xã hội:** khi xuất hiện sự phân chia xã hội thành những cực đối lập không điều hòa (tức là các giai cấp đối kháng).

3. BẢN CHẤT, ĐẶC TRƯNG



3. BẢN CHẤT, ĐẶC TRƯNG



3. BẢN CHẤT, ĐẶC TRƯNG

Tính quy phạm phổ biến và Bắt buộc chung:

➤ Tính quy phạm:

Pháp luật tạo khuôn mẫu, chuẩn mực, giới hạn cho hành vi xử sự của con người trong xã hội trong khuôn khổ định trước

➤ Tính phổ biến

Pháp luật điều chỉnh hầu hết các quan hệ XH, tác động đến mọi cá nhân, tổ chức; áp dụng chung cho hành vi xử sự của con người trong các trường hợp cụ thể.

➤ Bắt buộc chung: mọi người đều phải tuân thủ PL

VÍ DỤ

Tổng thống bị cảnh sát phạt tiền

Tổng thống Paraguay -
Fernando Lugo phải nộp phạt
104 USD sau khi vi phạm luật
giao thông đường bộ (5/2009)

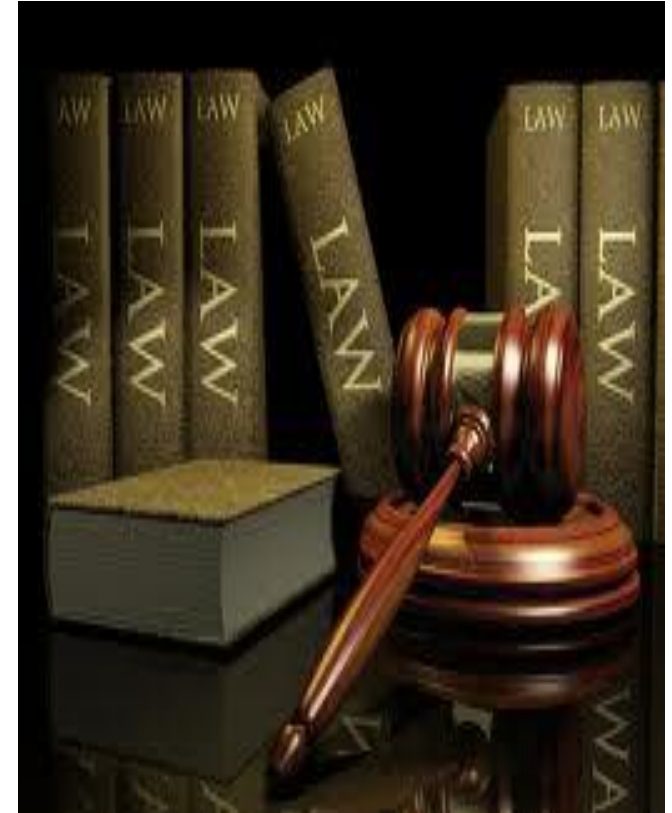


3. BẢN CHẤT, ĐẶC TRƯNG

Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

Ngôn ngữ pháp luật phải rõ ràng, chính xác, chặt chẽ, có khả năng áp dụng trực tiếp

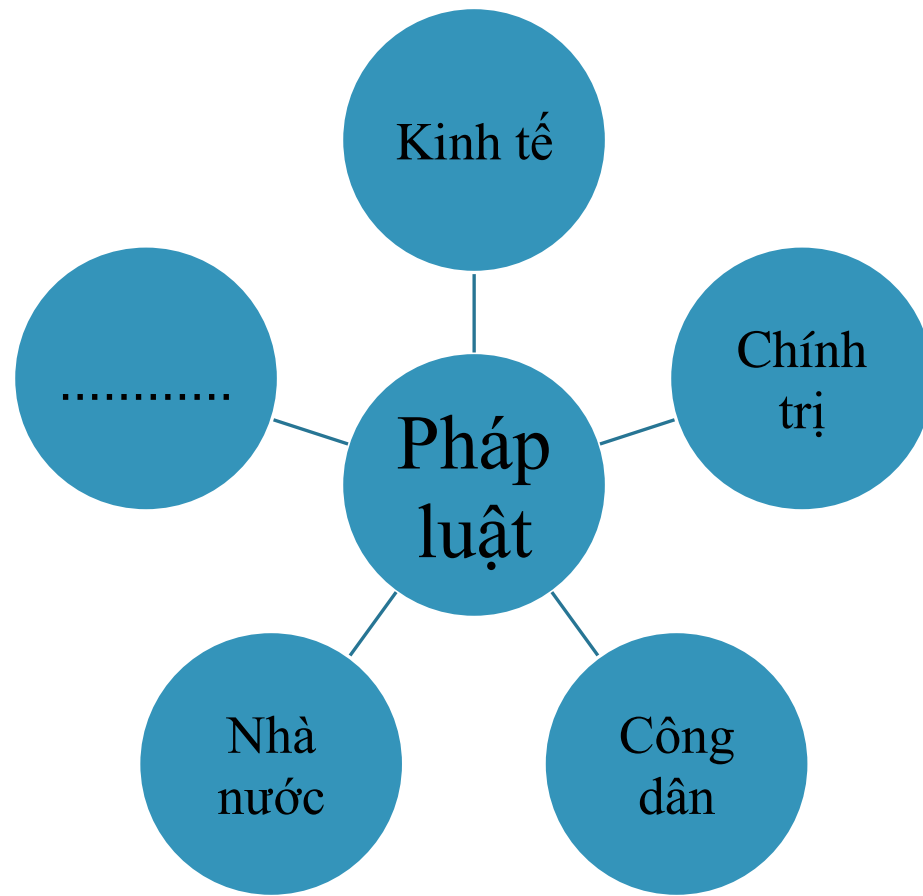
- PL phải được thể hiện dưới loại như: Tập quán pháp, Tiền lệ pháp, VBQPPL.
- VBQPPL có các dạng với tên gọi: Hiến pháp, Bộ luật, luật...



- **c. Tính quyền lực nhà nước (đảm bảo bằng nhà nước)**
- Pháp luật do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, mang tính bắt buộc
- Được NN tổ chức thực hiện pháp luật bằng những biện pháp hiệu quả nhất
- NN có bộ máy cưỡng chế bảo vệ PL

→ Tính quyền lực chỉ có ở pháp luật, không thể có ở các loại quy tắc xử sự khác

VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT TRONG CÁC MỐI QUAN HỆ XÃ HỘI



2.3 KIỂU PHÁP LUẬT

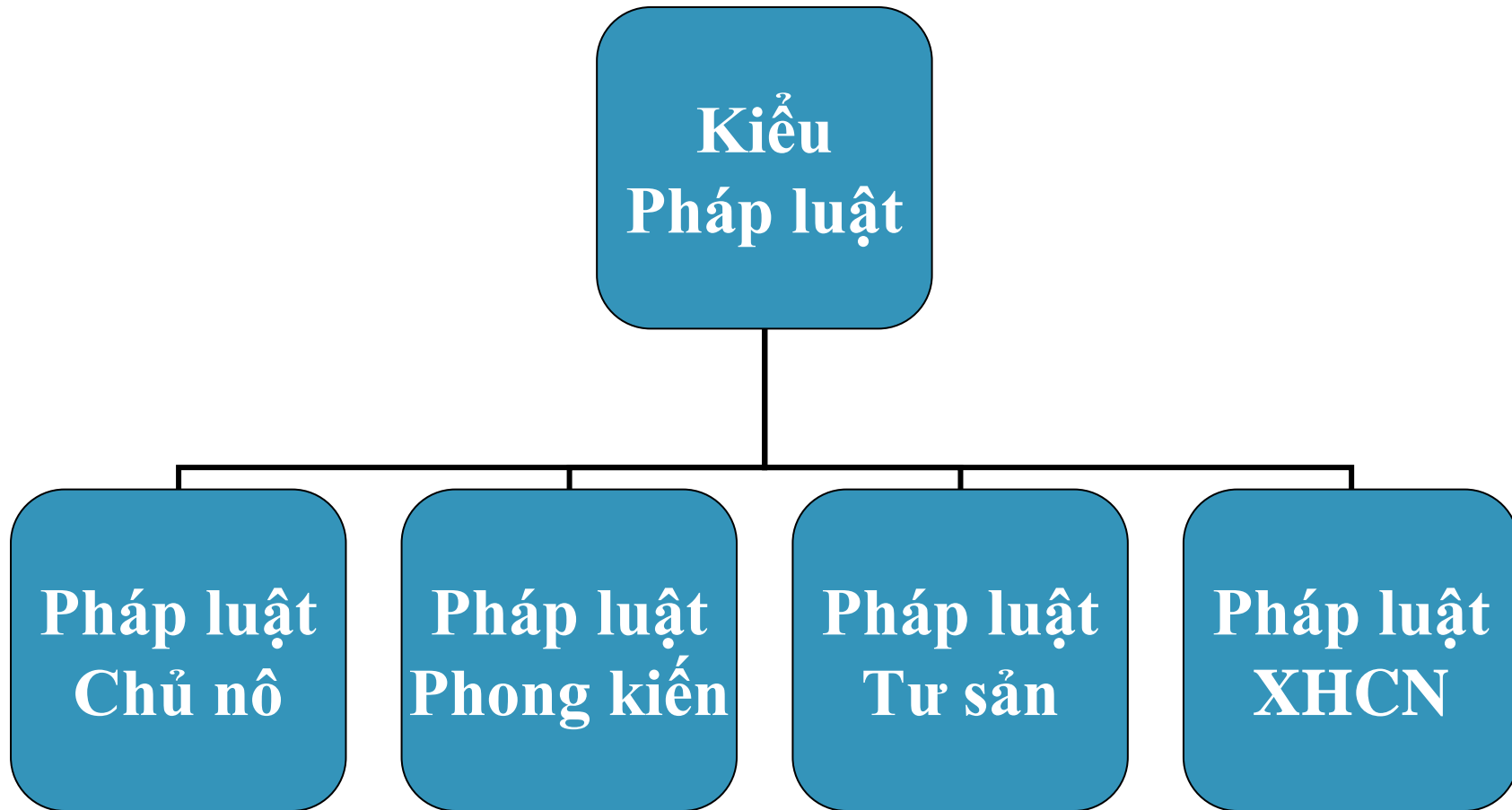
Khái niệm

Kiểu Pháp luật là tổng thể những dấu hiệu (đặc điểm) cơ bản, đặc thù của Pháp luật,

thể hiện bản chất giai cấp, những điều kiện tồn tại và phát triển của Pháp luật trong một hình thái kinh tế xã hội nhất định



CÁC KIỂU PHÁP LUẬT



2.3 HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

Hình thức pháp luật là cách thức chứa đựng hoặc thể hiện nội dung của Pháp luật

Hình thức pháp luật bao gồm hình thức bên trong và hình thức bên ngoài

Hình thức bên trong của pháp luật là cơ cấu bên trong của pháp luật bao gồm các quy tắc xử sự, là mối liên hệ, sự liên kết giữa các yếu tố cấu thành pháp luật.

Hình thức bên ngoài của pháp luật là dáng vẻ bề ngoài, là dạng (phương thức) tồn tại của pháp luật.

2.3 HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

Hình thức bên ngoài của pháp luật bao gồm:

- 1. Tập quán pháp**
- 2. Tiền lệ pháp (Án lệ)**
- 3. Văn bản quy phạm pháp luật**

TẬP QUÁN PHÁP

Là hình thức NN thừa nhận một số tập quán đã lưu truyền trong xã hội, phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị và nâng chúng lên thành luật

Đây là nguồn phổ biến của pháp luật Chủ nô và pháp luật Phong kiến



TẬP QUÁN PHÁP

Điều 5. Áp dụng tập quán

1. Tập quán là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng để xác định quyền, nghĩa vụ của cá nhân, pháp nhân trong quan hệ dân sự cụ thể, được hình thành và lặp đi lặp lại nhiều lần trong một thời gian dài, được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trong một vùng, miền, dân tộc, cộng đồng dân cư hoặc trong một lĩnh vực dân sự.

2. Trường hợp các bên không có thoả thuận và pháp luật không quy định thì có thể **áp dụng tập quán** nhưng tập quán áp dụng không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này

dụng

Điều 404. Giải thích hợp đồng

Điều 433. Giá và phương thức thanh toán

Điều 452. Mua sau khi sử dụng thử

Điều 471. Họ, họ, biên, phường

Điều 477. Nghĩa vụ bảo đảm giá trị sử dụng của tài sản thuê

Điều 481. Trả tiền thuê

Điều 603. Bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra

Điều 658. Thứ tự ưu tiên thanh toán

TẬP QUẢN PHÁP

Điều 231. Xác lập quyền sở hữu đối với gia súc bị thất lạc

1. Người bắt được gia súc bị thất lạc phải nuôi giữ và báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để thông báo công khai cho chủ sở hữu biết mà nhận lại. Sau 06 tháng, kể từ ngày thông báo công khai hoặc sau 01 năm đối với gia súc thả rông theo tập quán thì quyền sở hữu đối với gia súc và số gia súc được sinh ra trong thời gian nuôi giữ thuộc về người bắt được gia súc.

2. Trường hợp chủ sở hữu được nhận lại gia súc bị thất lạc thì phải thanh toán tiền công nuôi giữ và các chi phí khác cho người bắt được gia súc. Trong thời gian nuôi giữ gia súc bị thất lạc, nếu gia súc có sinh con thì người bắt được gia súc được hưởng một nửa số gia súc sinh ra hoặc 50% giá trị số gia súc sinh ra và phải bồi thường thiệt hại nếu có lỗi cố ý làm chết gia súc.

TẬP QUÁN PHÁP

Bộ luật Tổ tụng dân sự 2004 (sửa đổi, bổ sung 2011) và các văn bản hướng dẫn thi hành dù không đưa ra nguyên tắc áp dụng tập quán nhưng tại Điều 82 và 83 lại cho phép xác định nguồn của chứng cứ là tập quán, “tập quán được coi là chứng cứ nếu được cộng đồng nơi có tập quán đó thừa nhận”.

Nguyên tắc áp dụng nguồn bổ trợ này còn được đề cập tới trong Luật Hôn nhân và Gia đình 2000, những phong tục tập quán thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc sẽ được tôn trọng và phát huy nếu không trái với nguyên tắc quy định tại văn bản này. Để cụ thể hóa, Chính phủ cũng ban hành Nghị định số 32/2002/NĐ-CP về việc áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình đối với các dân tộc thiểu số. Nghị định đã đưa ra danh mục tập quán tốt đẹp về hôn nhân và gia đình được khuyến khích phát huy và danh mục hủ tục lạc hậu bị nghiêm cấm áp dụng hay cần vận động xóa bỏ.

TIỀN LỆ PHÁP

❑ Là hình thức nhà nước thừa nhận các quyết định của cơ quan hành chính hoặc cơ quan xét xử, đã có hiệu lực pháp luật và áp dụng nó để giải quyết các vụ việc tương tự

❑ ở VN áp dụng án lệ trong trường hợp pháp luật không quy định hoặc quy định không rõ



VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Khái niệm: (*Đ 2 Luật ban hành VBQPPL 2015*)

VBQPPL là văn bản có chứa **quy phạm pháp luật**, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Văn bản có chứa quy phạm, pháp luật nhưng được ban hành không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này thì không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QPPL 2015:

(Đ3) ***Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật*** là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc áp dụng văn bản đó sau khi được ban hành

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật:

Điều 4 Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật:

1. **Hiến pháp.**
2. Bộ luật, luật (sau đây gọi chung là luật), **nghị quyết** của Quốc hội.
3. Pháp lệnh, **nghị quyết** của Ủy ban thường vụ Quốc hội; **nghị quyết liên tịch** giữa UBTVQH với Đoàn Chủ tịch UBTVMTTQVN.
4. **Lệnh, quyết định** của Chủ tịch nước.
5. **Nghị định** của Chính phủ; **NQLT** giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch UBTVMTTQVN.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật:

6. **Quyết định** của Thủ tướng Chính phủ.
7. **Nghị quyết** của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.
8. **Thông tư** của Chánh án TAND tối cao; **thông tư** của Viện trưởng VKSND tối cao; **thông tư** của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; **thông tư liên tịch** giữa Chánh án TAND tối cao với Viện trưởng VKSND tối cao; **TTLT** giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao; **quyết định** của Tổng Kiểm toán nhà nước.
9. **Nghị quyết** của HĐND cấp tỉnh.
10. **Quyết định** của UBND cấp tỉnh.

HỆ THỐNG VĂN BẢN QUỸ PHẠM PHÁP LUẬT:

11. Văn bản QPPL của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.
12. Nghị quyết của HDND cấp huyện.
13. Quyết định của UBND cấp huyện.
14. Nghị quyết của HDND cấp xã.
15. Quyết định của UBND cấp xã.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật:

1. **Hiến pháp** – do Quốc hội ban hành.
2. **Bộ luật, luật** (sau đây gọi chung là luật)- do Quốc hội ban hành
3. **Pháp lệnh** của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành
4. **Lệnh** của Chủ tịch nước.
5. **Nghị định** của Chính phủ;
6. **Nghị quyết** của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, HĐND cấp tỉnh/huyện/xã
7. **Nghị quyết liên tịch** giữa UBTVQH với Đoàn Chủ tịch UBTVMTTQVN; giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch UBTVMTTQVN.
8. **Quyết định** của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh/huyện/xã, Tổng Kiểm toán nhà nước
9. **Thông tư** của Chánh án TAND tối cao; Viện trưởng VKSND tối cao; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;
10. **Thông tư liên tịch** giữa Chánh án TAND tối cao với Viện trưởng VKSND tối cao; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao.
11. **Văn bản QPPL** của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.



Sắp xếp hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo chủ thể ban hành:

Có chú thích Luật ban hành văn bản QPPL 2015

LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QPPL 2015:

(Đ3) ***Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh*** là việc **Ủy ban thường vụ Quốc hội** làm rõ tinh thần, nội dung của điều, khoản, điểm trong Hiến pháp, luật, pháp lệnh để có nhận thức, thực hiện, áp dụng đúng, thống nhất pháp luật

LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QPPL 2015:

Định nghĩa về Hiến pháp, luật, bộ luật, nghị định, thông tư, quyết định, công văn, văn bản

HÌNH THỨC VĂN BẢN QPPL

Số, ký hiệu của văn bản QPPL:

a) Số, ký hiệu của luật, nghị quyết của Quốc hội:

Luật số: 80/2015/QH13

b) Số, ký hiệu của pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH:

Pháp lệnh số: 06/2013/UBTVQH13

c) Số, ký hiệu của các VBQPPL khác:

**40/2019/NĐ-CP; 96/2015/TT-BTC; 01/2019/NQ-HĐTP;
34/2018/QĐ-UBND; 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV**

LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QPPL 2015:

Quy trình xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật của Quốc hội bao gồm các giai đoạn:

- 1. xây dựng và thông qua chương trình xây dựng văn bản pháp luật,*
- 2. giai đoạn soạn thảo,*
- 3. giai đoạn thẩm tra của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban,*
- 4. giai đoạn xem xét tại Ủy ban thường vụ Quốc hội,*
- 5. giai đoạn thảo luận tại các kỳ họp của Quốc hội và*
- 6. giai đoạn thông qua tại Quốc hội.*

HỆ THỐNG VĂN BẢN QPPL VIỆT NAM

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015:

(Đ2) **Văn bản quy phạm pháp luật** là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này.

Văn bản có chứa quy phạm, pháp luật nhưng được ban hành không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này thì không phải là văn bản quy phạm pháp luật

LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QPPL 2015:

(Đ3) ***Quy phạm pháp luật*** là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định trong Luật này ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện

2.4. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Khái niệm QPPL (K1 Đ 3 Luật 2015)

Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại đối cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành được nhà nước bảo đảm thực hiện

- QPPL là những tế bào để hình thành nên hệ thống PL của 1 nhà nước

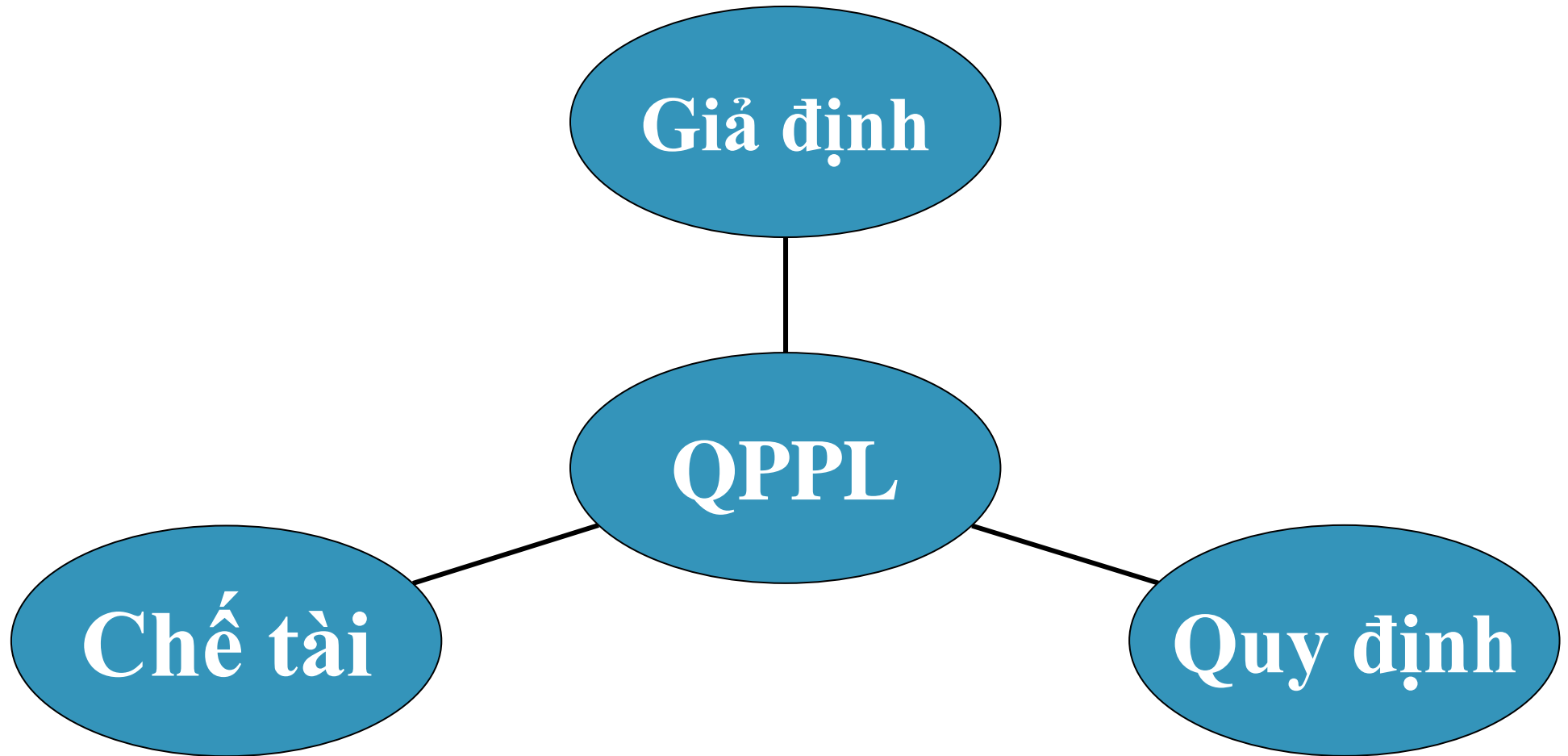


ĐẶC ĐIỂM CỦA QPPL

1. Thể hiện ý chí nhà nước
2. Có tính lặp đi lặp lại và bắt buộc chung
3. Được xác định chặt chẽ về hình thức
4. Được nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện
5. Chỉ ra các quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên tham gia quan hệ mà nó điều chỉnh
6. Nội dung QPPL thường được thể hiện dưới dạng cho phép hoặc bắt buộc.
7. Có tính hệ thống.



CẤU TRÚC CỦA QPPL



GIẢ ĐỊNH

Giả định là một bộ phận của QPPL nêu **những điều kiện, hoàn cảnh** (thời gian, địa điểm, không gian...) có thể xảy ra trong thực tế cuộc sống mà cá nhân hay tổ chức khi ở vào những hoàn cảnh, điều kiện đó **phải chịu sự tác động của QPPL**

Trả lời cho câu hỏi: *cá nhân nào, tổ chức nào? trong những điều kiện, hoàn cảnh nào?*

VÍ DỤ:

(Điều 55 Thuận tình ly hôn)

Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Thưa ngài tôi
muốn ly hôn



Phân loại Giả định

❖ **Giả định đơn giản**: nêu lên một hoàn cảnh, điều kiện
VD: Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình.

Người nào xúi giục làm người khác tự sát hoặc giúp người khác tự sát thì bị phạt tù từ sáu tháng đến 3 năm.

❖ **Giả định phức tạp**: nêu lên nhiều điều kiện, hoàn cảnh và *giữa chúng có mối liên hệ với nhau*.

VD: Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm. (Tội bức tử)

QUY ĐỊNH

Khái niệm: Quy định là bộ phận của QPPL, trong đó **nêu lên cách xử sự** mà chủ thể ở vào hoàn cảnh, điều kiện... đã nêu trong bộ phận giả định được phép hoặc buộc phải thực hiện.

-Bộ phận quy định chứa đựng mệnh lệnh của nhà nước: Chủ thể bị cấm làm gì, phải làm gì, được làm gì, làm như thế nào?

VÍ DỤ QUY ĐỊNH

- ❖ Người vi phạm hành chính nếu gây ra thiệt hại thì phải bồi thường. Việc bồi thường thiệt hại được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự
- ❖ Người khởi kiện phải gửi kèm theo đơn khởi kiện tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho những yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

PHÂN LOẠI QUY ĐỊNH

Căn cứ vào mệnh lệnh được nêu trong phần quy định:

Quy định dứt khoát: là quy định chỉ nêu lên một cách xử sự và các chủ thể buộc phải tuân theo.

VD: *chứng cứ đã được giao nộp tại toà án thì việc bảo quản chứng cứ đó do toà án chịu trách nhiệm.*

Quy định không dứt khoát: là nêu ra 2 hoặc nhiều cách xử sự và cho phép chủ thể có thể lựa chọn:

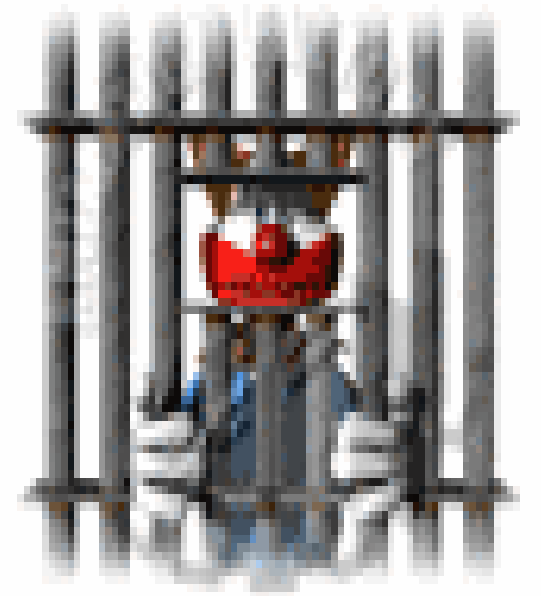
VD: *việc kết hôn phải do uỷ ban nhân dân cơ sở nơi thường trú của bên nam hoặc bên nữ công nhận.*

Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào

CHẾ TÀI

Chế tài là một bộ phận của QPPL, nêu lên **biện pháp tác động** mà nhà nước dự kiến áp dụng đối với cá nhân hay tổ chức **không thực hiện đúng mệnh lệnh** của nhà nước đã nêu trong bộ phận quy định của QPPL

Trả lời cho câu hỏi: *chủ thể sẽ phải gánh chịu hậu quả gì khi không thực hiện đúng cách xử sự nêu trong phần quy định của QPPL.*



VÍ DỤ CHẾ TÀI

- ❖ Người nào, trong khi thi hành công vụ mà làm chết người do dùng vũ lực ngoài những trường hợp pháp luật cho phép, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm
- ❖ Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến 2 năm

PHÂN LOẠI CHẾ TÀI

Căn cứ vào lĩnh vực tác động: có 4 loại cơ bản:

- + Chế tài hình sự;
- + Chế tài hành chính;
- + Chế tài dân sự;
- + Chế tài kỷ luật

PHÂN LOẠI CHẾ TÀI

Căn cứ vào khả năng lựa chọn biện pháp áp dụng: có 2 loại sau:

Chế tài cố định: là chế tài trong đó nêu chính xác cụ thể biện pháp tác động sẽ áp dụng đối với chủ thể VPPL (*)

Chế tài không cố định: nêu lên nhiều biện pháp chế tài or một biện pháp chế tài nhưng nhiều mức để chủ thể ADPL có thể lựa chọn.

CÁCH THỨC THỂ HIỆN QPPL

- ❖ Một QPPL có thể trình bày trong 1 điều luật
- ❖ Trong 1 điều luật có thể có nhiều QPPL
- ❖ Trật tự các bộ phận của QPPL có thể bị đảo lộn.
- ❖ Không nhất thiết phải có đủ 3 bộ phận trong 1 QPPL
- ❖ Có nhiều giả định nhưng chỉ có một quy định hoặc 1 chế tài

VÍ DỤ:

- ❖ “Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:
 - a) Chiếm dụng đường phố để: kinh doanh dịch vụ ăn uống; bày bán hàng hóa;...”
- ❖ Bên thuê có thể tu sửa và làm tăng giá trị tài sản thuê, nếu được bên cho thuê đồng ý và có quyền yêu cầu bên cho thuê thanh toán chi phí hợp lý.

VÍ DỤ:

- ❖ Bên cho thuê nhà có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê nhà khi bên thuê có một trong các hành vi sau đây:
- a) Không trả tiền thuê nhà liên tiếp trong ba tháng trở lên mà không có lý do chính đáng;
 - b) Sử dụng nhà không đúng mục đích thuê;
 - c) Cố ý làm nhà hư hỏng nghiêm trọng;...

PHÂN LOẠI QPPL

Căn cứ vào nội dung QPPL:

QPPL định nghĩa: là QP có nội dung giải thích, xác định một vấn đề nào hay hoạt đó hay nêu lên một khái niệm pháp lý.

QPPL điều chỉnh: là QP có nội dung trực tiếp điều chỉnh hành vi của con người hay hoạt động của các tổ chức.

QPPL bảo vệ: là QP có nội dung xác định các biện pháp cưỡng chế nhà nước liên quan đến TNPL.

PHÂN LOẠI QPPL

Căn cứ vào đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh

- QPPL hình sự
- QPPL dân sự
- QPPL hành chính
- QPPL kinh doanh...

PHÂN LOẠI QPPL (TT)

Căn cứ vào hình thức mệnh lệnh nêu trong QPPL:

QPPL dứt khoát: là QPPL chỉ quy định một cách xử sự rõ ràng dứt khoát.

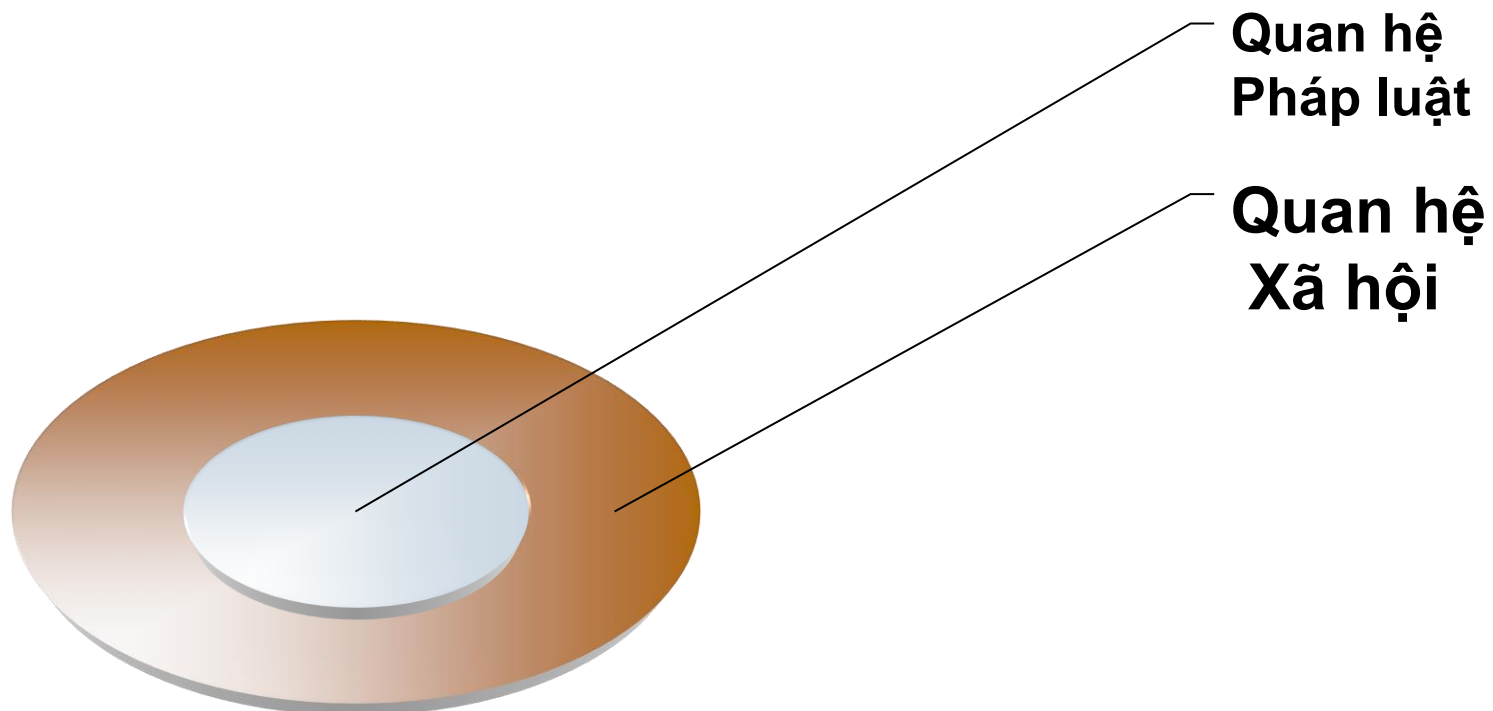
Vd: hình thức hợp đồng dân sự phải bằng văn bản.

QPPL không dứt khoát: là QP mà trong đó phần quy định của QPPL nêu lên hai hay nhiều cách thức xử sự khác nhau cho phép các chủ thể lựa chọn.

2.5. QUAN HỆ PHÁP LUẬT

QHPL là quan hệ xã hội được các quy phạm pháp luật điều chỉnh trong đó các bên tham gia có những quyền và nghĩa vụ pháp lý nhất định và được đảm bảo bởi nhà nước

QUAN HỆ XH VÀ QUAN HỆ PL



ĐẶC ĐIỂM CỦA QHPL

- Là các quan hệ xã hội xuất hiện trên cơ sở các quy phạm pháp luật
- Mang tính ý chí nhà nước
- Các bên tham gia quan hệ đó có quyền và nghĩa vụ pháp lý nhất định
- QHPL Được nhà nước đảm bảo thực hiện
- Có tính xác định cụ thể: Chủ thể, khách thể, nội dung

PHÂN LOẠI QHPL

Căn cứ vào đặc điểm, tính chất của quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia:

QHPL đơn giản

QHPL phức tạp

Căn cứ vào đặc trưng của sự tác động:

QHPL điều chỉnh

QHPL bảo vệ

Căn cứ vào tính chất nghĩa vụ pháp lý:

QHPL tích cực

QHPL thụ động

THÀNH PHẦN CỦA QHPL



1. CHỦ THỂ QHPL

Chủ thể quan hệ pháp luật là các cá nhân, tổ chức có năng lực chủ thể theo quy định của pháp luật để tham gia vào quan hệ pháp luật nhất định.



1. CHỦ THỂ QHPL-CÁ NHÂN



1. CHỦ THỂ QHPL



1. CHỦ THỂ QHPL-PHÁP NHÂN

Tư cách pháp nhân

Được thành lập hợp pháp

Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ

Có tài sản độc lập và tự chịu TN bằng TS đó

Nhân danh mình tham gia các QHPL một cách độc lập

1. CHỦ THỂ QHPL-PHÁP NHÂN

Các
loại
pháp
nhân

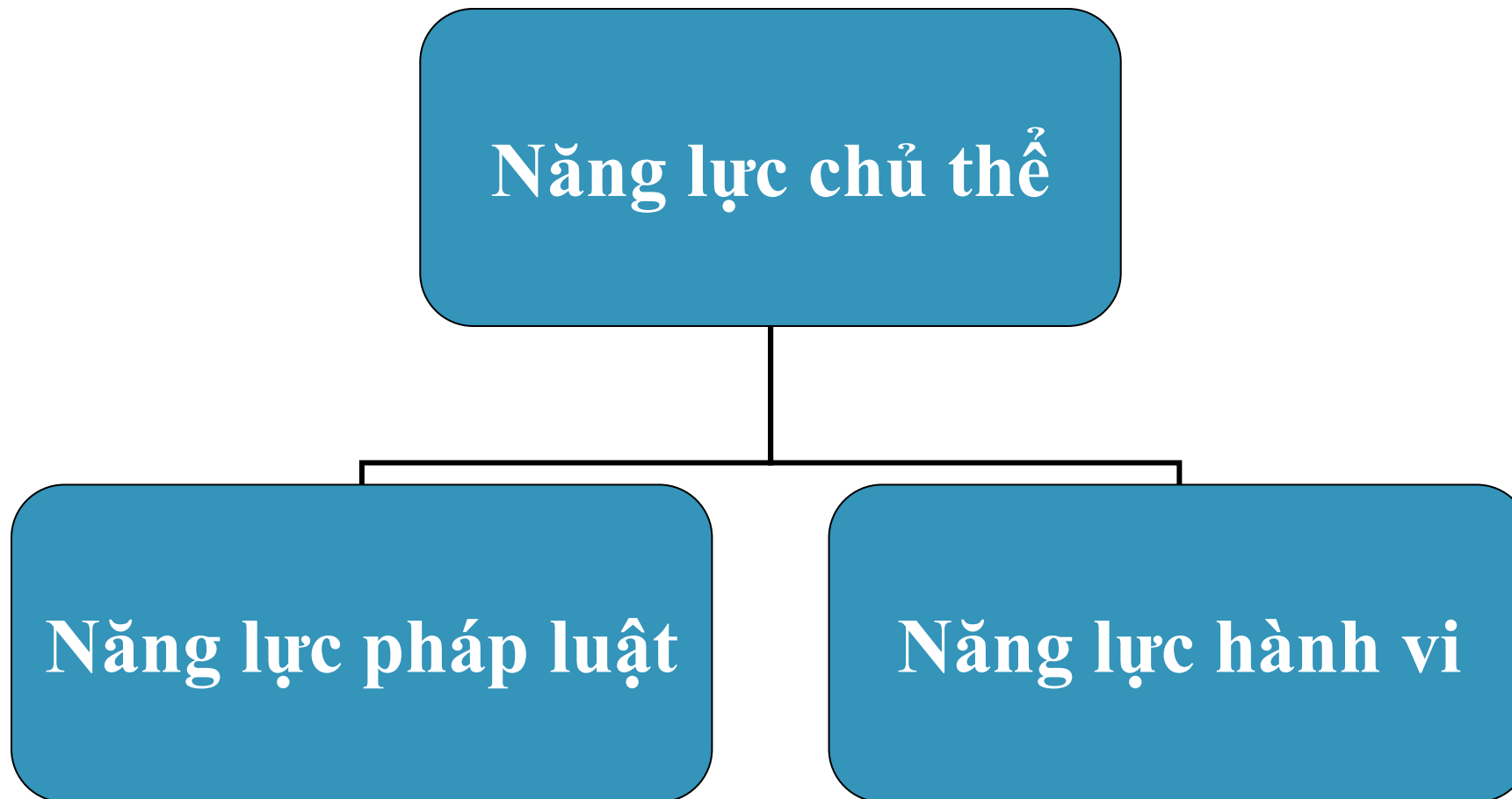
Cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ
trang nhân dân;

Tổ chức CT, tổ chức CT-XH;

Tổ chức kinh tế; tổ chức CT XH-
nghề nghiệp,

Tổ chức XH, tổ chức XH nghề nghiệp;
Quỹ XH, quỹ từ thiện..

NĂNG LỰC CỦA CHỦ THỂ



NĂNG LỰC PHÁP LUẬT CỦA CHỦ THỂ

Năng lực pháp luật là khả năng của chủ thể có các **quyền chủ thể và các nghĩa vụ pháp lý (do quy phạm pháp luật quy định)** để trở thành các chủ thể (các bên) tham gia quan hệ pháp luật.

NĂNG LỰC HÀNH VI CỦA CHỦ THỂ

Năng lực hành vi là khả năng của **chủ thể bằng chính hành vi của mình** để xác lập và thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý khi tham gia vào các quan hệ pháp luật.

Khả năng này cũng được nhà nước xác nhận trong các quy phạm pháp luật nhất định.



SO SÁNH NLPL VÀ NLHV

Yếu tố	Giống nhau	Khác nhau
NLPL	<ul style="list-style-type: none"> - Là khả năng của chủ thể - theo quy định của pháp luật. 	NLPL: khả năng có quyền và nghĩa vụ.
NLHV		NLHV: khả năng bằng hành vi của mình thực hiện quyền và nghĩa vụ.

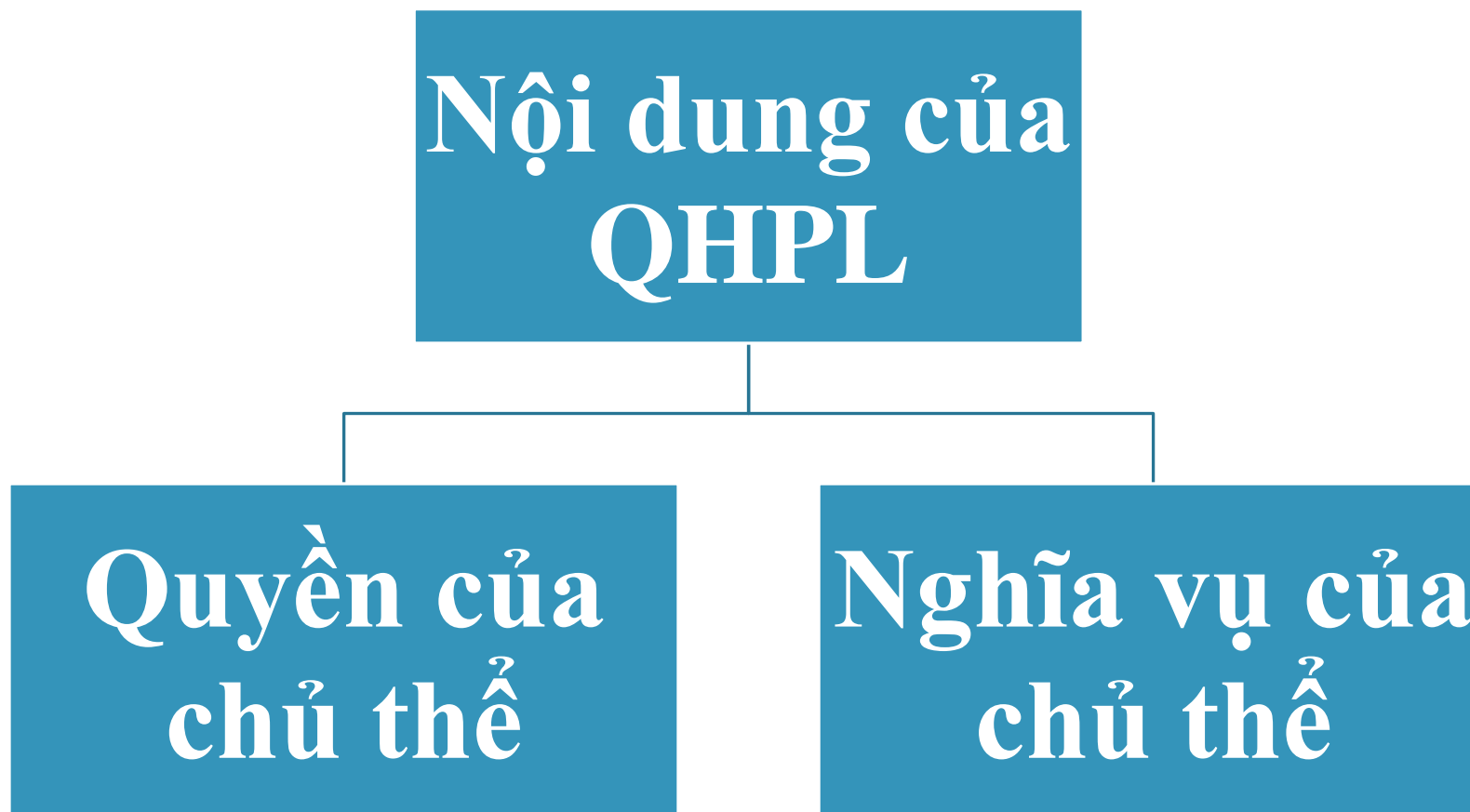
THỜI ĐIỂM XUẤT HIỆN, CHẤM DỨT CÁC YẾU TỐ THUỘC NĂNG LỰC CHỦ THỂ CỦA CÁ NHÂN

yếu tố Thời điểm	NLPL	NLHV
Xuất hiện	Thông thường là từ lúc được sinh ra	-Độ tuổi -Khả năng nhận thức
Chấm dứt	Khi cá nhân đó chết	Khi cá nhân chết hoặc theo quy định của pháp luật

THỜI ĐIỂM XUẤT HIỆN, CHẤM DỨT CÁC YẾU TỐ THUỘC NĂNG LỰC CHỦ THỂ CỦA TỔ CHỨC

yếu tố	NLPL	NLHV
Thời điểm		
Xuất hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất hiện đồng thời khi tổ chức được thành lập hợp pháp - Phạm vi: theo quy định của pháp luật 	
Chấm dứt	Khi tổ chức chấm dứt sự tồn tại: (giải thể, phá sản v.v..)	

NỘI DUNG CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT



QUYỀN CHỦ THỂ

Quyền pháp lý chủ thể: là khả năng xử sự (hành vi) của các chủ thể trong quan hệ pháp luật được quy phạm pháp luật quy định và được nhà nước đảm bảo thực hiện.

Nội dung quyền chủ thể:

- Quyền thực hiện hành vi
- Quyền yêu cầu thực hiện NV
- Yêu cầu cơ quan NN bảo vệ quyền

NGHĨA VỤ PHÁP LÝ

Nghĩa vụ pháp lý: Là hành vi xử sự bắt buộc được quy phạm pháp luật quy định trước, mà một bên của quan hệ pháp luật đó phải thực hiện nhằm đáp ứng quyền của các chủ thể khác.

Nội dung nghĩa vụ chủ thể:

- Phải thực hiện những hành vi nhất định
- Kiểm chế không thực hiện 1 số hành vi
- Phải chịu trách nhiệm pháp luật khi không thực hiện

KHÁCH THỂ CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT



Khách thể của quan hệ pháp luật: là đối tượng mà các bên tham gia QHPL mong muốn đạt được khi tham gia vào các QHPL.

Đó là những ***lợi ích*** vật chất, chính trị, tinh thần hoặc các lợi ích xã hội khác... mà **chủ thể mong muốn đạt được** khi tham gia các QHPL

CÁC YẾU TỐ LÀM PHÁT SINH, THAY ĐỔI, CHẤT DỨT QUAN HỆ PHÁP LUẬT

QHXXH

SỰ KIẾN PHÁP LÝ

QHPL

SỰ KIẾN PHÁP LÝ

Là những **hoàn cảnh, tình huống, điều kiện thực tế** mà sự xuất hiện hay mất đi của chúng được pháp luật gắn với việc phát sinh, thay đổi hay chấm dứt QHPL.

SKPL là **phần giả định** của các QPPL khi chúng xảy ra trên thực tế.



PHÂN LOẠI SỰ KIẾN PHÁP LÝ

Căn cứ theo dấu hiệu ý chí,
sự kiện pháp lý được phân
thành:

- **Hành vi pháp lý**
- **Sự biến pháp lý.**



HÀNH VI PHÁP LÝ

Hành vi pháp lý là những sự kiện xuất hiện phụ thuộc vào **ý chí của con người** và sự hiện diện của chúng đưa đến những hệ quả pháp lý nhất định theo quy định của pháp luật.

Hành vi có thể là ***hành động và không hành động***

VD: hành vi khiếu nại, hành vi khai báo tạm trú, hành vi không khai báo tạm vắng, tạm trú, không cứu giúp người bị nạn...

SỰ BIẾN PHÁP LÝ



Sự biến là **sự kiện khách quan** xảy ra **không phụ thuộc vào ý chí con người** nhưng trong những trường hợp nhất định, nhà làm luật cũng gắn với sự phát sinh, thay đổi hay chấm dứt quan hệ pháp luật cụ thể.

Ví dụ: thiên tai, hoả hoạn do sét đánh, thời hạn trôi qua; cái chết tự nhiên của con người...

PHÂN LOẠI SỰ KIỆN PHÁP LÝ

Căn cứ vào hậu quả:

- SKPL làm phát sinh QHPL
- SKPL làm thay đổi QHPL
- SKPL làm chấm dứt QHPL

PHÂN LOẠI SỰ KIỆN PHÁP LÝ

Dựa vào số lượng sự kiện thực tế tạo thành sự kiện pháp lý:

- Sự kiện pháp lý đơn nhất và
- Sự kiện pháp lý phức hợp

CÂU HỎI ?

Cho VD 1 sự kiện pháp lý đồng thời làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt QHPL.

- Cá nhân chết

- Phát sinh: thừa kế, phân chia di sản thừa kế
- Thay đổi: quan hệ hôn nhân
- Chấm dứt: quan hệ thân thân của người đã chết

- Ly hôn:

- Phát sinh: nghĩa vụ cấp dưỡng
- Thay đổi: chia tài sản
- Chấm dứt: quan hệ hôn nhân

6. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

*Thực hiện pháp luật là một quá trình **hoạt động có mục đích** của các chủ thể pháp luật làm cho những quy định của **pháp luật đi vào cuộc sống**, trở thành những hành vi **thực tế hợp pháp** nhằm đạt được những mục đích nhất định*

6. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

- ❖ Thực hiện pháp luật trước hết là một trong những hình thức để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.
- ❖ Thực hiện pháp luật là hành vi hợp pháp của các chủ thể pháp luật.
- ❖ Thực hiện pháp luật là giai đoạn không thể thiếu và vô cùng quan trọng của cơ chế điều chỉnh pháp luật
- ❖ Thực hiện pháp luật do nhiều chủ thể khác nhau tiến hành với nhiều cách thức khác nhau

CÁC HÌNH THỨC THỰC HIỆN PL

1. Tuân thủ pháp luật

2. Chấp hành pháp luật (thi hành PL)

3. Sử dụng Pháp luật

4. Áp dụng Pháp luật

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Tuân thủ (tuân theo) PL là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật kiểm chế không tiến hành những hoạt động mà pháp luật ngăn cấm

- Thực hiện pháp luật thụ động

THI HÀNH PHÁP LUẬT

- ***Thi hành (chấp hành) pháp luật*** là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật **thực hiện nghĩa vụ pháp lý mà pháp luật quy định.**
- Thể hiện dưới dạng hành động.

SỬ DỤNG PHÁP LUẬT

Sử dụng pháp luật là một hình thức mà chủ thể pháp luật thực hiện quyền của mình theo những quy định của pháp luật (chủ thể thực hiện những hành vi mà pháp luật cho phép).



ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó Nhà nước thông qua **các cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà chức trách có thẩm quyền tổ chức** cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật, hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể



CÁC HÌNH THỨC THỰC HIỆN PL

1. Tuân thủ pháp luật

- Không thực hiện điều PL cấm

2. Chấp hành pháp luật (thi hành PL)

- Thực hiện điều PL yêu cầu

3. Sử dụng Pháp luật

- Thực hiện điều PL cho phép

4. Áp dụng Pháp luật

- Hoạt động của CQNN, người có thẩm quyền

7. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

TỆ NẠN XÃ HỘI



TỆ NẠN XÃ HỘI



7. Vi phạm pháp luật



7. Vi phạm pháp luật



7. Vi phạm pháp luật



7. Vi phạm pháp luật



Vợ luôn là
người giúp ta
cân bằng cuộc
sống

7.1.VI PHẠM PHÁP LUẬT

Vi phạm PL là hành vi (hành động hay không hành động) **trái pháp luật, có lỗi**, do chủ thể có **năng lực trách nhiệm pháp lý** thực hiện, xâm hại hoặc đe dọa xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

✓ Vi phạm pháp luật là SKPL và là cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý



DẤU HIỆU CỦA VI PHẠM PL

- ❖ Là hành vi xác định
- ❖ Trái pháp luật
- ❖ Có lỗi
- ❖ Do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện



CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH CỦA VPPL

1. Khách thể của VPPL
2. Chủ thể VPPL
3. Mặt khách quan của VPPL
4. Mặt chủ quan của VPPL

KHÁCH THỂ CỦA VPPL

Khách thể của VPPL là QHXXH được pháp luật bảo vệ, nhưng bị hành vi VPPL xâm hại đến (hoặc đe dọa xâm hại) gây nên thiệt hại đáng kể nhất định



CHỦ THỂ CỦA VPPL

Là **thể nhân** hoặc
pháp nhân đã có lỗi
trong việc **thực hiện**
hành vi VPPL bị luật
cấm



KẺ GIẾT BÉ GÁI VÌ GÓI BÁNH 500 ĐỒNG 'PHÁT ĐIÊN' TẠI TÒA

Trả lời tòa sáng 18/4, Nguyễn Minh Tuấn nói không biết mình tên gì, sinh năm nào, tại sao lại có mặt ở đây mà chỉ biết... “vừa được ăn mì”.

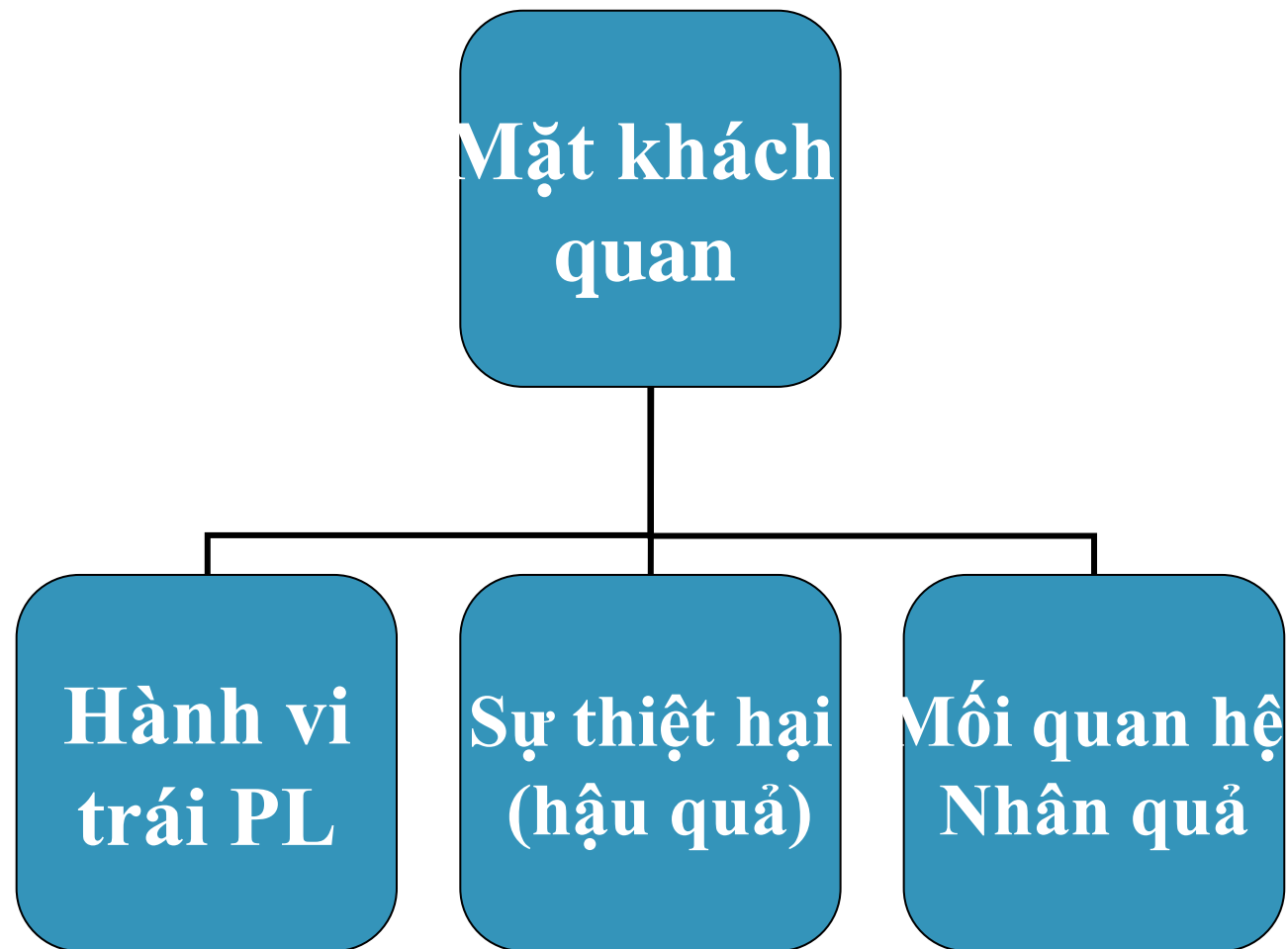
Trước tình thế này, HĐXX buộc phải hoãn phiên xử để giám định tâm thần cho bị cáo .



MẶT KHÁCH QUAN CỦA VPPL

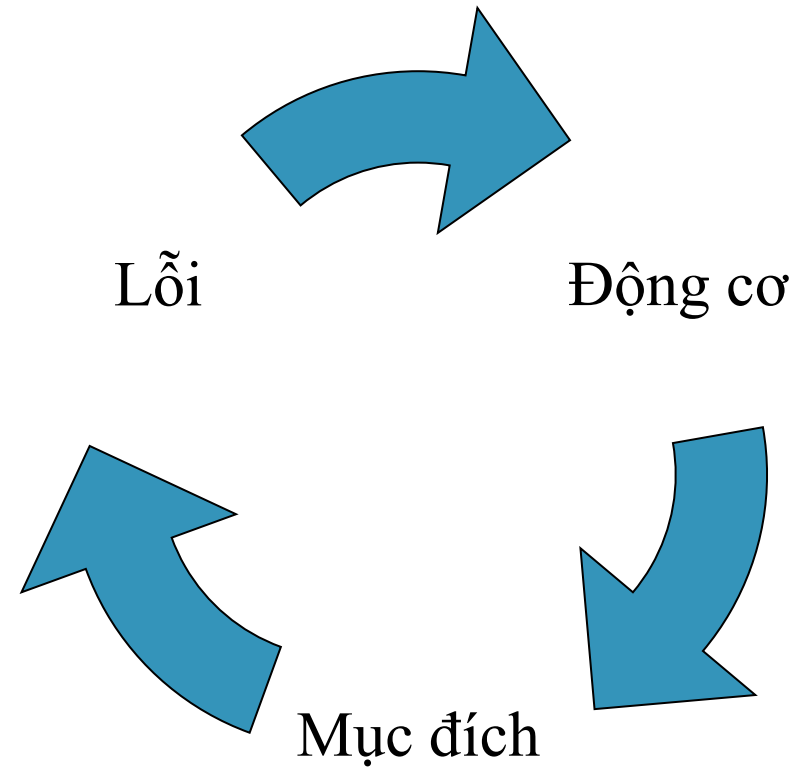
Mặt khách quan

Là những **biểu hiện ra bên ngoài** của vi phạm pháp luật mà con người **có thể nhận thức được** bằng trực quan sinh động



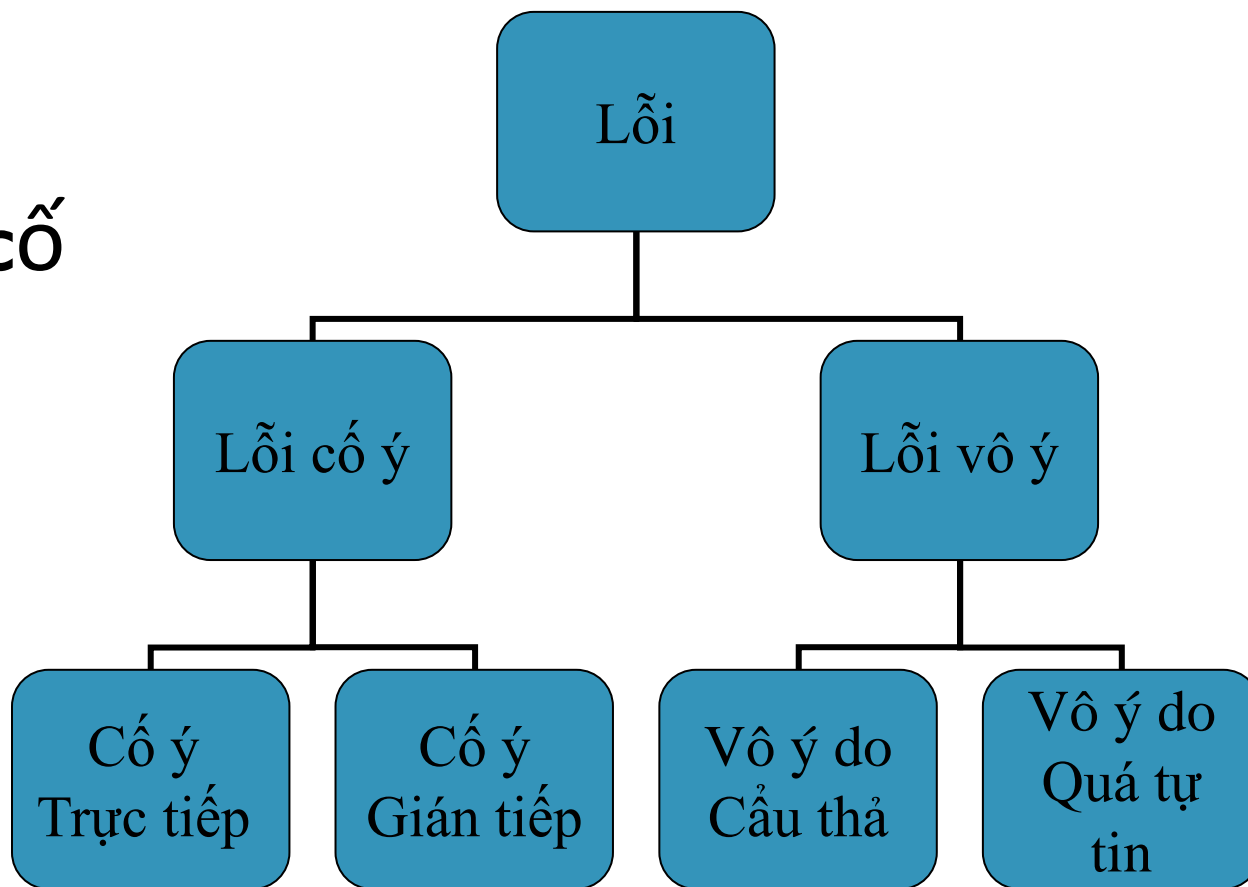
MẶT CHỦ QUAN CỦA VPPL

Là trạng thái tâm lý
bên trong của chủ thể
VPPL tự nhận thức
được hành vi của mình
khi VPPL



YẾU TỐ LỖI

Lỗi là thái độ tâm lý của người VPPL thể hiện dưới hình thức cố ý hoặc vô ý



LỖI CỐ Ý

➤ Lỗi cố ý trực tiếp: chủ thể **nhận thức rõ** về tính nguy hiểm cho XH do hành vi mà mình thực hiện, **thấy trước được hậu quả** nguy hiểm từ hành vi đó và **mong muốn** cho hậu quả đó xảy ra.

➤ Lỗi cố ý gián tiếp: chủ thể **nhận thức rõ** về tính nguy hiểm cho XH do hành vi mà mình thực hiện, **thấy trước được hậu quả** nguy hiểm từ hành vi đó. *Tuy không mong muốn cho hậu quả xảy ra, nhưng có ý thức bỏ mặc hậu quả xảy ra.*

LỖI VÔ Ý

Vô ý do quá tự tin

Chủ thể **nhận thức được** tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà mình thực hiện, nhưng đã **tự tin cho rằng hậu quả sẽ không xảy ra, hoặc có thể ngăn ngừa được** nên vẫn thực hiện hành vi, do đó hậu quả đã xảy ra

Vô ý do cầu thả

Chủ thể **không nhận thức được** tính nguy hiểm cho xã hội về hành vi mà mình thực hiện, **không thấy trước được hậu quả nguy hiểm có thể xảy ra từ hành vi đó**, nhưng theo quy định thì buộc chủ thể phải thấy trước và có thể thấy trước

VÍ DỤ

Bắn nhầm người vì tưởng là thú

Sáng 11/7, Công an huyện Nam Trà My (Quảng Nam) đã khởi tố và bắt tạm giam Nguyễn Hồng Vịnh, 37 tuổi vì bắn chết người.

Sự việc xảy ra ngày 4/7, Vịnh mang súng thể thao vào rừng để săn thú. Nghe thấy tiếng động trong bụi cây trước mặt, tưởng là thú rừng, Vịnh liền nổ súng. Tuy nhiên, Vịnh bắn nhầm vào anh Hồ Văn Hiếu (30 tuổi, trú cùng thôn).



VÍ DỤ

Cướp ngân hàng lấy tiền cưới vợ

Một chú rể Áo tiến hành bốn vụ cướp ngân hàng để có đủ tiền tổ chức đám cưới theo yêu cầu của cô dâu.

Ahmed Boyer, 36 tuổi, bị bắt khi đang tháo chạy khỏi một ngân hàng ở Vienna. Trước đó, người đàn ông này đã lấy được hơn 400.000 USD từ ba vụ cướp khác. Tuy nhiên, anh chàng cho biết số tiền trên vẫn chưa đủ thỏa mãn cô dâu.

Vợ tương lai của anh ta muốn có một bữa tiệc linh đình với 500 khách, váy cưới hiệu Chanel, xe hơi mới để đón dâu và tuần trăng mật tại vùng biển Caribê.

"Đám cưới tốn quá nhiều tiền và tôi biết mình không đủ khả năng chi trả. Số tiền từ vụ cướp đầu tiên hết sạch trong một ngày, nên tôi tiếp tục hành động", Boyer khai trước tòa.



VÍ DỤ VỀ LỖI

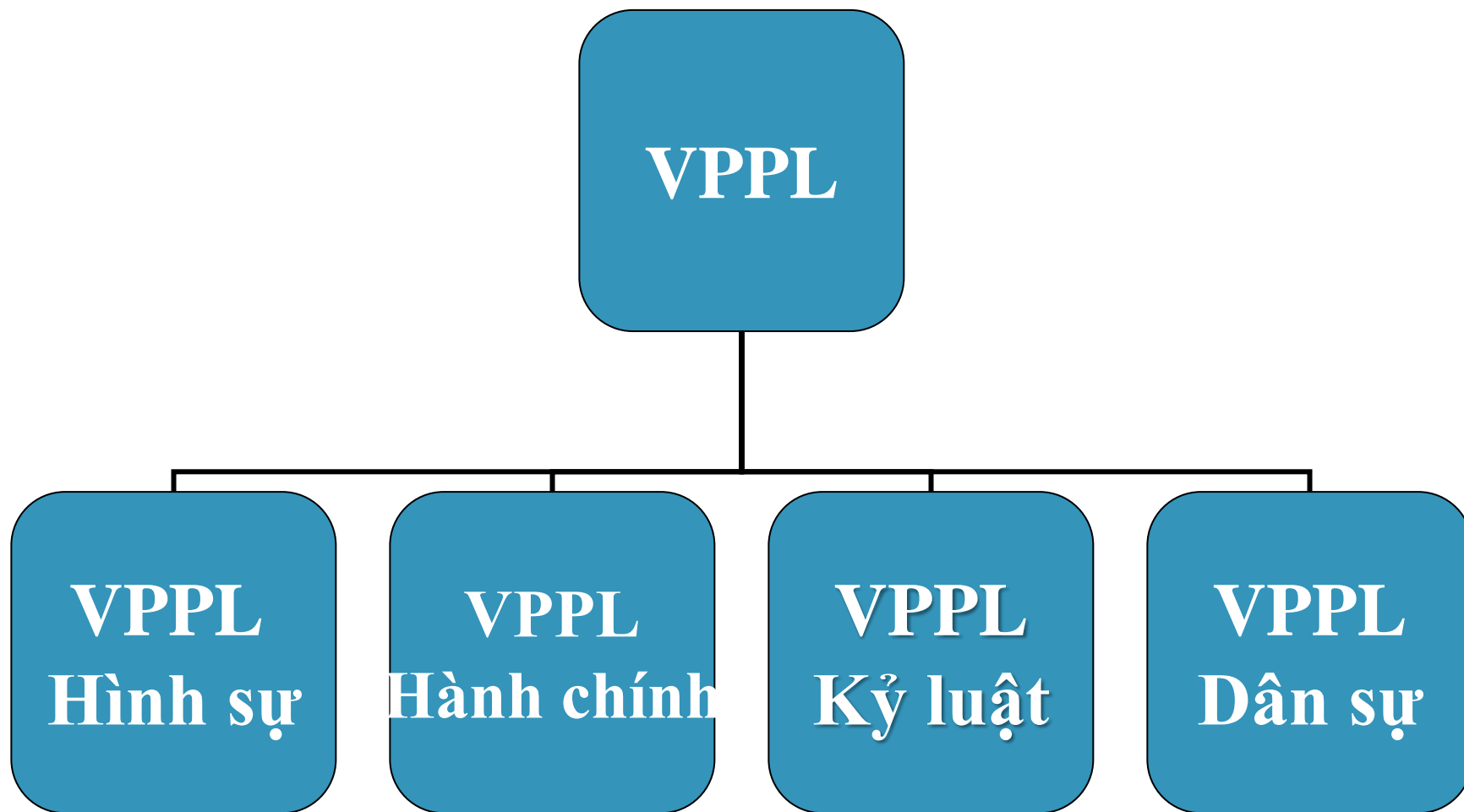
- 1, Bà A có một vườn sầu riêng nhưng không làm hàng rào. Tối 14/2/2010 S và V rủ nhau vào vườn bà A tâm sự, V bị sầu riêng rơi trúng đầu gây thương tích với tỷ lệ là 21%.
- 2, H 45 tuổi, bị bệnh tâm thần, rất thích ăn bắp nướng. Trưa ngày 22/12/2012 H đã đốt nhà hàng xóm để nướng bắp.
- 3, Anh H (42 tuổi, ở tỉnh BP) có vợ là chị B (37 tuổi). Do nghi ngờ vợ mình ngoại tình nên giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tối 31/3/2011, H nằm đợi sẵn trong nhà, khi chị B vừa mở cửa vào thì H chồm dậy dùng gậy đánh vào chân chị với thương tích là 12%.
- 4, Tối 21/4/2011, K (26 tuổi, quê ở ĐN) điều khiển xe ben đi từ đường (Q.2) hướng ra xa lộ Hà Nội, khi xe của K gần đến xa lộ Hà Nội, K cho xe lấn trái, vượt lên trên xe ô tô đang chạy phía trước không may đụng trực diện vào xe gắn máy do anh T điều khiển đi chiều ngược lại. Tai nạn anh T bị gãy chân.

ĐỘNG CƠ VÀ MỤC ĐÍCH

➤ **Động cơ**: là cái thúc đẩy chủ thể thực hiện hành vi vi phạm PL
Ví dụ: Động cơ phạm tội, động cơ chạy xe quá tốc độ cho phép, động cơ trả thù...

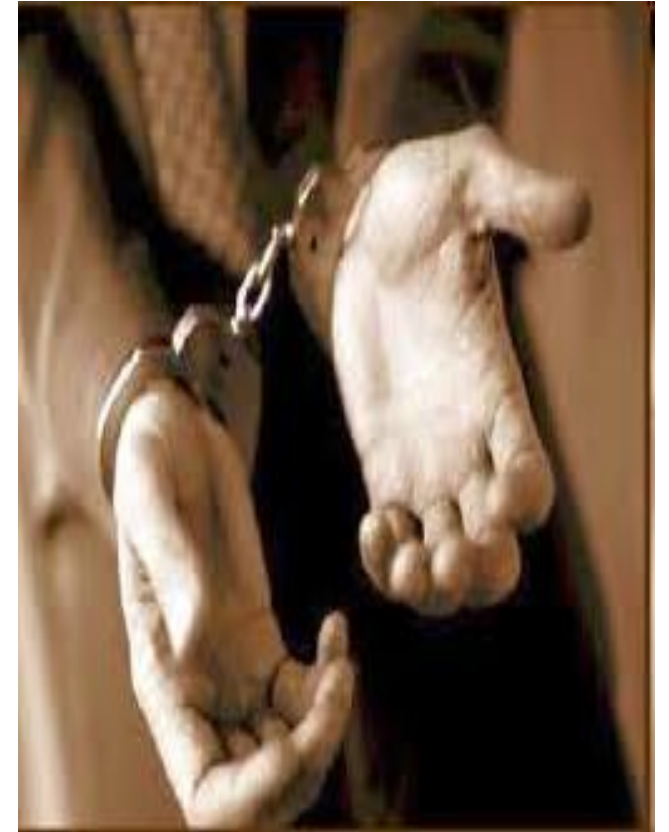
➤ **Mục đích**: là kết quả cuối cùng mà chủ thể mong muốn đạt được khi thực hiện hành vi VPPL
Ví dụ: mục đích cướp Tài sản để có tiền ăn chơi...

PHÂN LOẠI VPPL



7.2. TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

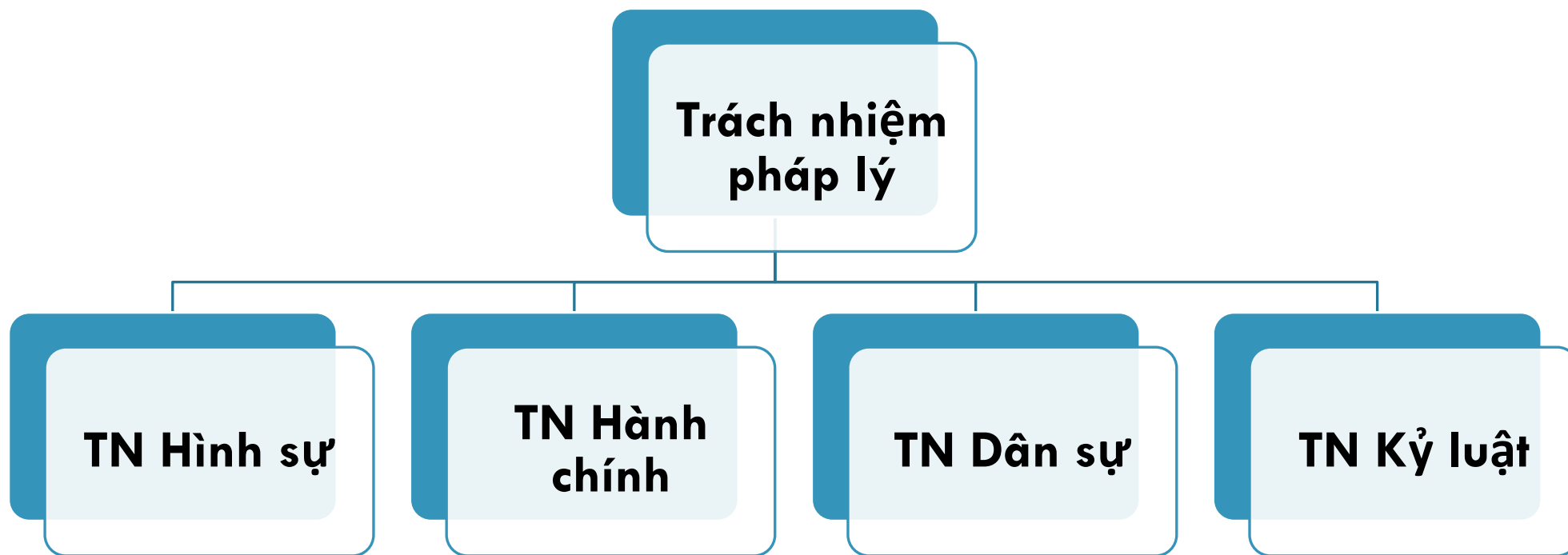
là hậu quả của hành vi VPPL được thể hiện trong việc cơ quan Nhà nước (người có chức vụ) có thẩm quyền áp dụng đối với người đã có lỗi trong việc VPPL một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế (chế tài xử lý) của Nhà nước do ngành luật tương ứng quy định.



ĐẶC ĐIỂM CỦA TNPL

1. TNPL là hậu quả pháp lý của hành vi VPPL, TNPL chỉ phát sinh khi có VPPL
2. TNPL luôn được thực hiện trong phạm vi của QHPL giữa hai chủ thể có các quyền và nghĩa vụ nhất định (một bên là Nhà nước, còn bên kia là người đã thực hiện hành vi VPPL)
3. TNPL được xác định bằng một trình tự đặc biệt bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà trình tự đó phải do PL quy định
4. TNPL được thực hiện theo văn bản đã có hiệu lực PL bằng việc áp dụng VB đó để phạt người đã thực hiện hành vi VPPL một hoặc nhiều chế tài của Nhà nước do pháp luật quy định.

PHÂN LOẠI TNPL



TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

là dạng TNPL nghiêm khắc nhất
do việc thực hiện tội phạm
được thực hiện bởi cơ quan Nhà nước có thẩm
quyền (tòa án)
áp dụng đối với người đã có lỗi trong việc
thực hiện tội phạm
một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế của Nhà
nước do PLHS quy định.



TRÁCH NHIỆM HÀNH CHÍNH

TNPL *hành chính* là hậu quả của hành vi VPPL hành chính được thể hiện trong việc cơ quan NN có thẩm quyền áp dụng đối với người đã có lỗi trong việc VPPL hành chính một or nhiều biện pháp cưỡng chế (chế tài xử lý) của NN do PL hành chính quy định.



TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ

TNPL dân sự là hậu quả của hành vi VPPL dân sự được thể hiện trong việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với người đã có lỗi trong việc VPPL dân sự một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế (chế tài xử lý) của Nhà nước do pháp luật dân sự quy định.



TRÁCH NHIỆM KỶ LUẬT

TNPL lao động – là hậu quả của hành vi VPPL lao động được thể hiện trong việc cơ quan NN có thẩm quyền áp dụng đối với người đã có lỗi trong việc VPPL lao động một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế của NN do PL lao động quy định.

Ví dụ: cảnh cáo, sơ thải...



8. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ CÁC NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PLVN

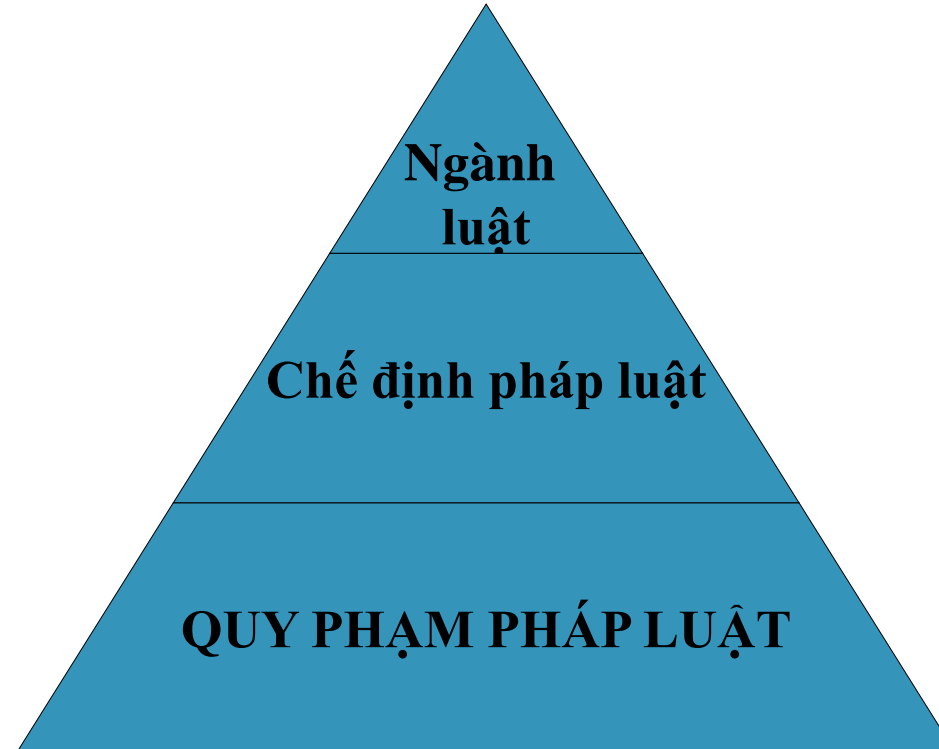
8.1 Khái quát hệ thống pháp luật Việt Nam

8.2 Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

8.1 KHÁI QUÁT HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

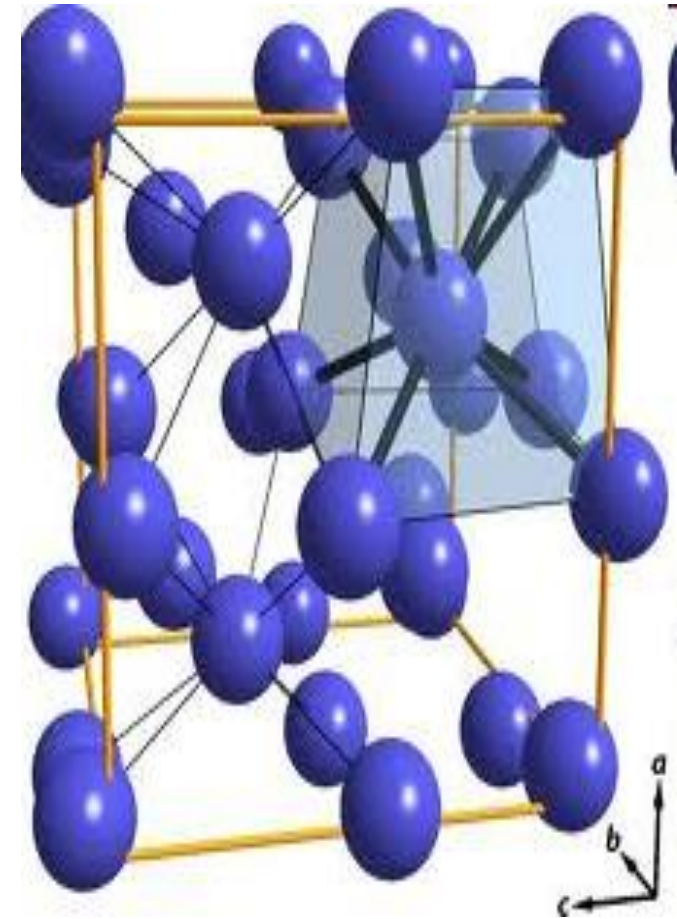
Hệ thống pháp luật là tổng thể **các quy phạm pháp luật, các nguyên tắc, định hướng và mục đích** của pháp luật có mối liên hệ mật thiết và thống nhất với nhau, được phân định thành các **ngành luật, chế định pháp luật** và được thể hiện trong các văn bản do các cơ quan nhà nước ban hành theo những hình thức, thủ tục luật định.

HỆ THỐNG CẤU TRÚC PL



CHẾ ĐỊNH PHÁP LUẬT

Chế định pháp luật là nhóm những qui phạm pháp luật điều chỉnh một nhóm các quan hệ xã hội cùng loại có liên hệ mật thiết với nhau



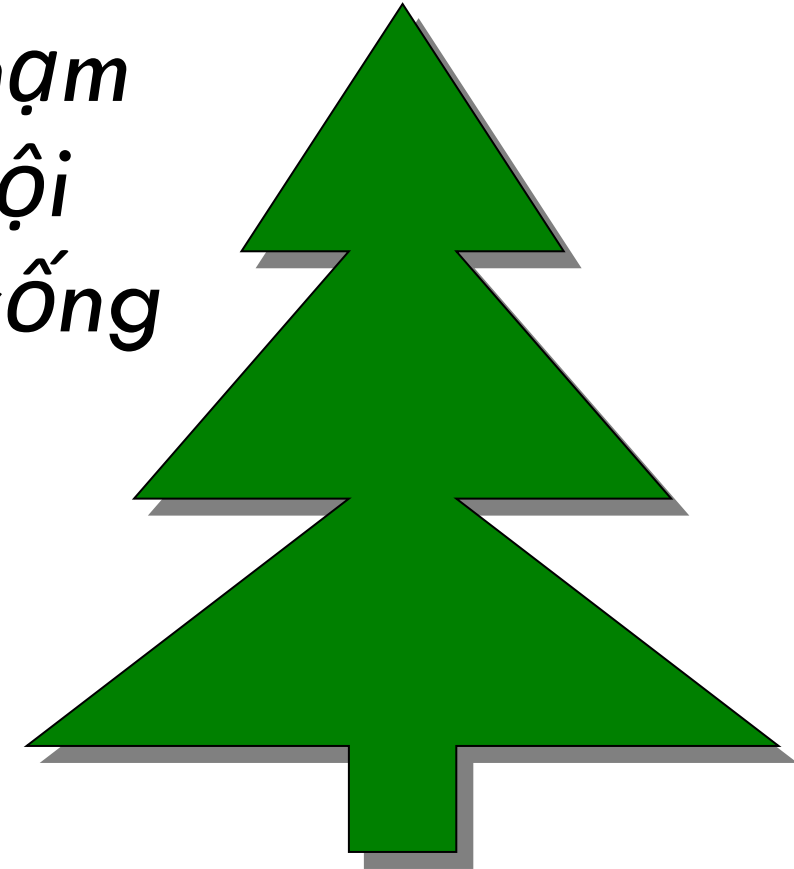
NGÀNH LUẬT

Ngành luật là một tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội.

Căn cứ phân chia các ngành luật

Đối tượng điều chỉnh

Phương pháp điều chỉnh



8.2 CÁC NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Một số ngành luật cơ bản

Luật Hiến pháp

Luật hành chính

Luật Hình sự

Luật tố tụng Hình sự

Luật Dân sự

Luật Tố tụng Dân sự

Luật Thương mại

Luật Lao động...

